

*CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK THIÊN NAM
111-121 NGÔ GIA TỰ, PHƯỜNG 02, QUẬN 10, TP.HCM
MÃ SỐ THUẾ: 0301172041*

--- oOo ---

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 03 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK THIÊN NAM
111-121 NGÕ GIA TỰ, PHƯỜNG 02, QUẬN 10, TP.HCM
MÃ SỐ THUẾ: 0301172041

--- oOo ---

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 03 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		755.578.441.546	830.749.835.299
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	48.894.548.917	57.252.649.452
1. Tiền	111		44.759.548.917	47.486.102.464
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.135.000.000	9.766.546.988
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		138.954.975.167	207.255.160.787
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	110.765.760.604	130.722.705.100
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	21.272.036.023	46.445.585.833
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	8.551.010.289	31.734.681.603
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.633.831.749)	(1.647.811.749)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	562.548.579.332	554.002.944.945
1. Hàng tồn kho	141		563.555.240.687	554.768.120.994
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.006.661.355)	(765.176.049)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.180.338.130	12.239.080.115
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.562.674.965	44.803.982
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.617.663.165	12.194.276.133
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		284.041.649.151	249.256.367.846
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		96.805.000.000	90.025.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	96.805.000.000	90.025.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		51.240.281.912	74.526.334.869
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	25.932.334.416	49.163.387.373
- Nguyên giá	222		43.083.391.243	63.334.256.752
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.151.056.827)	(14.170.869.379)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	25.307.947.496	25.362.947.496
- Nguyên giá	228		25.486.147.500	25.486.147.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(178.200.004)	(123.200.004)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	95.656.544.203	84.340.000.525
- Nguyên giá	231		107.054.750.832	91.449.218.420
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.398.206.629)	(7.109.217.895)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		40.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	40.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		339.823.036	365.032.452
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		325.761.976	243.009.341
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	14.061.060	122.023.111
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.039.620.090.697	1.080.006.203.145

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THI ÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		736.527.257.160	801.512.105.523
I. Nợ ngắn hạn	310		658.887.507.160	730.683.645.523
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.446.371.914	87.756.619.904
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	17.476.320.464	16.143.128.377
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.231.659.692	3.337.310.481
4. Phải trả người lao động	314	V.15	7.777.672.442	7.384.937.989
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.267.759.139	31.152.581.431
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	286.650.000	335.486.800
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	618.674.041.791	581.122.787.758
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	4.727.031.718	3.450.792.783
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		77.639.750.000	70.828.460.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	42.889.750.000	42.864.910.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	34.750.000.000	27.963.550.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kê toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		303.092.833.537	278.494.097.622
I. Vốn chủ sở hữu	410		303.092.833.537	278.494.097.622
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	55.186.113.637	55.186.113.637
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(2.821.300)	(2.821.300)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	79.593.822.703	75.766.626.977
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	86.579.713.826	65.897.778.196
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.350.019.932	65.897.778.196
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		39.229.693.894	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	1.736.004.670	1.646.400.112
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.039.620.090.697	1.080.006.203.145



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 03 NĂM 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		593.622.859.614	400.829.359.665	1.605.991.807.135	1.116.595.877.832
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		470.923.379	1.223.735.657	3.665.864.991	2.327.716.968
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		593.151.936.235	399.605.624.008	1.602.325.942.144	1.114.268.160.864
4. Giá vốn hàng bán	11		552.100.436.001	366.580.682.337	1.481.244.192.363	1.020.792.933.739
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.051.500.234	33.024.941.671	121.081.749.781	93.475.227.125
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		622.373.642	2.564.919.311	4.996.680.605	5.727.498.148
7. Chi phí tài chính	22		10.368.845.263	8.706.931.055	33.485.473.795	26.151.062.661
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.347.617.937	8.697.768.743	33.245.202.679	25.831.951.118
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết						
9. Chi phí bán hàng	25		6.532.364.115	6.584.660.778	20.878.886.496	19.849.134.706
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.708.967.143	6.095.778.388	20.430.728.966	16.467.434.810
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.063.697.355	14.202.490.761	51.283.341.129	36.735.093.096
12. Thu nhập khác	31		418.310.791	9.794.046	752.855.428	674.969.543
13. Chi phí khác	32		361.285.294	762.946	619.856.514	3.824.818
14. Lợi nhuận khác	40		57.025.497	9.031.100	132.998.914	671.144.725
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.120.722.852	14.211.521.861	51.416.340.043	37.406.237.821
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.000.018.701	3.128.432.533	11.335.234.324	8.033.611.236
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		63.462.933	-5.557.460	107.962.051	244.823.988
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.057.241.218	11.088.646.788	39.973.143.668	29.127.802.597
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			13.868.148.990	10.981.700.712	39.229.693.895	28.495.701.883
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			189.092.228	106.946.076	743.449.773	632.100.714
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.474	1.167	4.168	3.028
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
Quý 3 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	1		1.731.963.173.568	955.937.053.747
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(1.680.549.542.701)	(1.139.291.850.151)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(19.533.692.143)	(13.532.402.164)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(32.265.358.373)	(25.831.951.118)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(10.950.542.975)	(8.371.267.236)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		86.024.538.002	338.330.192.445
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(53.822.039.673)	(92.707.560.381)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.866.535.705	14.532.215.142
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(27.796.620.587)	(50.381.752.706)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		418.181.818	346.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(91.800.000.000)	(88.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		68.100.000.000	34.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.000.373.701	4.678.814.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(46.078.065.068)	(98.856.575.012)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32		-	(338.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.544.032.025.434	1.108.164.085.274
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.518.557.707.652)	(1.028.640.530.505)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.620.888.954)	(7.999.749.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.853.428.828	71.523.467.769
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(8.358.100.535)	(12.800.892.101)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		57.252.649.452	31.024.355.397
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		48.894.548.917	18.223.463.296

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền
 Người lập biểu

(Chữ ký)

Hà Hạnh Hoa
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015

Ngô Hữu Hoàn
 Tổng Giám Đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 3 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính Công ty là: Mua bán, đại lý, ký gửi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

5a. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam có trụ sở chính tại 451 - 453 Nguyễn Tri Phương, phường 8, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 80% (số đầu năm là 80%).

5b. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty đầu tư vào công ty liên kết là Công ty cổ phần Khải Huy Quân có trụ sở chính tại 271/7B An Dương Vương, phường 3, quận 5, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là xây dựng chuyên dụng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 40% (số đầu năm là 0%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 99 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 99 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: chi phí sửa chữa, chi phí lắp đặt ... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 – 05 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	04-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10
Tài sản cố định khác	05

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của nhà cửa, vật kiến trúc từ 05 đến 25 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại và trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại và trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu chiết khấu thương mại và trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	657.315.001	552.369.713
Tiền gửi ngân hàng	44.102.233.916	46.933.732.751
Các khoản tương đương tiền	4.135.000.000	9.766.546.988
Cộng	<u>48.894.548.917</u>	<u>57.252.649.452</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tập đoàn thép Nguyễn Minh	52.060.342.903	31.877.085.220
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại thép Nguyễn Minh	37.780.939.001	67.950.624.751
Các khách hàng khác	20.924.478.700	30.894.995.129
Cộng	<u>110.765.760.604</u>	<u>130.722.705.100</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Steelco Pacific Trading, Ltd.	-	22.505.083.164
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh	15.048.100.000	18.048.100.000
Alba Exports, Ltd.	1.787.154.199	1.999.999.639
Fitzpatrick Exports (UK) Limited	1.651.529.719	
Các khách hàng khác	2.785.252.105	3.892.403.030
Cộng	<u>21.272.036.023</u>	<u>46.445.585.833</u>

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh - Phải thu hoạt động đầu tư	7.500.000.000	-	30.600.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.051.010.289	-	1.134.681.603	-
Cộng	<u>8.551.010.289</u>	<u>-</u>	<u>31.734.681.603</u>	<u>-</u>

4b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu bên liên quan	<u>6.800.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Công ty cổ phần Khải Huy Quân - Phải thu hoạt động đầu tư	6.800.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức khác	<u>90.005.000.000</u>	<u>-</u>	<u>90.025.000.000</u>	<u>-</u>
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh - Phải thu hoạt động đầu tư	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	5.000.000	-	25.000.000	-
Cộng	<u>96.805.000.000</u>	<u>-</u>	<u>90.025.000.000</u>	<u>-</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5. Nợ xấu**

Tập đoàn có khoản phải thu Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam về tiền hàng với số tiền 1.633.831.749 VND đã quá hạn trên 3 năm. Hiện tại, Thi hành án quận Nam Từ Liêm đang thu hồi khoản nợ này cho Công ty.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(1.647.811.749)	(1.469.882.224)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(177.929.525)
Hoàn nhập dự phòng	13.980.000	-
Số cuối kỳ	(1.633.831.749)	(1.647.811.749)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	53.421.145.028	-
Nguyên liệu, vật liệu	205.060.307.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	121.991.298	-	146.392.523.124	-
Hàng hóa	358.372.942.389	(1.006.661.355)	354.954.452.842	(765.176.049)
Cộng	563.555.240.687	(1.006.661.355)	554.768.120.994	(765.176.049)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(765.176.049)	(1.779.468.968)
Trích lập dự phòng bổ sung	(531.133.516)	-
Hoàn nhập dự phòng	289.648.210	1.014.292.919
Số cuối kỳ	(1.006.661.355)	(765.176.049)

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	14.119.124.751	40.539.864.669	8.553.444.082	91.758.000	30.065.250	63.334.256.752
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(19.368.445.612)	-	-	-	(19.368.445.612)
Điều chỉnh giảm theo quyết toán	-	(227.912.624)	-	-	-	(227.912.624)
Thanh lý TSCĐ	-	-	(654.507.273)	-	-	(654.507.273)
Số cuối kỳ	14.119.124.751	20.943.506.433	7.898.936.809	91.758.000	30.065.250	43.083.391.243
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.152.429.369	286.380.952	534.875.156	55.778.000	30.065.250	2.059.528.727
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4.535.616.053	6.088.976.999	3.448.946.271	69.770.216	27.559.840	14.170.869.379
Khấu hao trong kỳ	754.951.595	3.294.179.438	963.246.612	8.994.996	2.505.410	5.023.878.051
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(1.801.367.088)	-	-	-	(1.801.367.088)
Thanh lý TSCĐ	-	-	(242.323.515)	-	-	(242.323.515)
Số cuối kỳ	5.290.567.648	7.581.789.349	4.169.869.368	78.765.212	30.065.250	17.151.056.827

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	9,583,508,698	34,450,887,670	5,104,497,811	21,987,784	2,505,410	49,163,387,373
Số cuối kỳ	8,828,557,103	13,361,717,084	3,729,067,441	12,992,788	-	25,932,334,416

Một phần Công trình Cao ốc văn phòng tại 111-121 Ngô Gia Tự, phường 02, quận 10, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.255.147.500	231.000.000	25.486.147.500
Số cuối kỳ	25.255.147.500	231.000.000	25.486.147.500
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	123.200.004	123.200.004
Khấu hao trong kỳ	-	55.000.000	55.000.000
Số cuối kỳ	-	178.200.004	178.200.004
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.255.147.500	107.799.996	25.362.947.496
Số cuối kỳ	25.255.147.500	52.799.996	25.307.947.496

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình.

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số đầu năm	91.449.218.420
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	19.368.445.612
Điều chỉnh giảm theo quyết toán	(3.762.913.200)
Số cuối kỳ	107.054.750.832
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	1.089.974.794
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	7.109.217.895
Khấu hao trong kỳ	2.487.621.646
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.801.367.088
Số cuối kỳ	11.398.206.629
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	84.340.000.525
Số cuối kỳ	95.656.544.203

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**10. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Ngày 01 tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua 4.000.000 cổ phiếu, tương đương 40% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Khải Huy Quân. Hiện Công ty liên kết này đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Trong kỳ, Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch góp vốn đầu tư dự án cho Công ty cổ phần Khải Huy Quân với số tiền là 6.800.000.000 VND.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Phát sinh trong kỳ	Hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (<i>dự phòng hàng tồn kho</i>)	63.722.606	-	(63.722.606)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện	58.300.505	-	(44.239.445)	14.061.060
Cộng	122.023.111	-	(107.962.051)	14.061.060

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22% (năm trước thuế suất là 22%).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Arsen International (HK), Ltd	-	55.158.876.470
Ye-steel Trading Co., Ltd	-	17.257.412.913
Công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thụ công nghiệp (UPEXIM)	1.105.440.000	1.105.440.000
Beryls Chocolate	1.020.810.042	-
Walker's Nonsuch Limited	1.199.332.800	-
Các khách hàng khác	1.120.789.072	14.234.890.521
Cộng	4.446.371.914	87.756.619.904

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Hữu Trung	3.320.100.000	3.320.100.000
Ông Nguyễn Minh Viễn	2.347.191.000	2.347.191.000
Bà Trần Ngọc Linh	2.529.030.000	2.529.030.000
Các khách hàng khác	9.279.999.464	7.946.807.377
Cộng	17.476.320.464	16.143.128.377

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	1.630.367.383	(1.630.367.383)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	39.098.555.903	(39.098.555.903)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	146.816.494	(146.816.494)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.405.736.614	(1.405.736.614)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.318.345.545	-	11.782.216.131	(10.950.542.975)	4.150.018.701	-
Thuế thu nhập cá nhân	18.964.936	-	2.342.248.938	(2.279.572.883)	81.640.991	-
Tiền thuê đất	-	-	3.891.767.678	(3.891.767.678)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.500.000	(6.500.000)	-	-
Cộng	3.337.310.481	-	60.304.209.141	(59.409.859.930)	4.231.659.692	-

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tập đoàn phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Chi Cục thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Tổng quỹ lương Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam được xác định bằng tỷ suất tiền lương trên lợi nhuận trước thuế chưa tính chi phí lương là 25% theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	1.112.199.526
Chi phí xây dựng	434.600.001	29.164.450.611
Chiết khấu hỗ trợ khách hàng	569.086.240	700.931.294
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	264.072.898	175.000.000
Cộng	<u>1.267.759.139</u>	<u>31.152.581.431</u>

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ ngắn hạn	128.640.000	173.940.000
Cổ tức phải trả	8.010.000	8.010.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	150.000.000	153.536.800
Cộng	<u>286.650.000</u>	<u>335.486.800</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thiên Nam		
Hòa - Nhận ký quỹ dài hạn	38.000.000.000	38.000.000.000
Các đối tượng khác - Nhận ký quỹ dài hạn	4.889.750.000	4.864.910.000
Cộng	<u>42.889.750.000</u>	<u>42.864.910.000</u>

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	618.674.041.791	618.674.041.791	581.122.787.758	581.122.787.758
Vay ngắn hạn ngân hàng	608.329.041.791	608.329.041.791	568.697.787.758	568.697.787.758
- Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (i)	98.400.000.000	98.400.000.000	59.611.905.669	59.611.905.669
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (ii)	209.506.218.342	209.506.218.342	196.112.753.960	196.112.753.960
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (ii)	157.749.976.987	157.749.976.987	146.166.792.485	146.166.792.485
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lý Thường Kiệt (ii)	50.181.974.662	50.181.974.662	54.228.525.079	54.228.525.079
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (ii)	54.490.871.800	54.490.871.800	53.202.786.969	53.202.786.969
- Ngân hàng Indovina - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	28.000.000.000	28.000.000.000	49.375.023.596	49.375.023.596
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.345.000.000	3.345.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.000.000.000	7.000.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
Cộng	618.674.041.791	618.674.041.791	581.122.787.758	581.122.787.758

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.8).
- (ii) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình Cao ốc văn phòng tại 111-121 Ngô Gia Tự, phường 02, quận 10, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.7).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Các khoản vay này để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay và không có tài sản đảm bảo.
- (v) Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0,625%/tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	568.697.787.758	1.540.141.961.685	-	(1.500.510.707.652)	608.329.041.791
Vay ngắn hạn các cá nhân	5.625.000.000	10.517.000.000	-	(12.797.000.000)	3.345.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.800.000.000	-	5.450.000.000	(5.250.000.000)	7.000.000.000
Cộng	581.122.787.758	1.550.658.961.685	5.450.000.000	(1.518.557.707.652)	618.674.041.791

18b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Công ty có khả năng trả khoản nợ vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	7.000.000.000	6.800.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	34.750.000.000	27.963.550.000
Cộng	41.750.000.000	34.763.550.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chi tiết phát sinh khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	27.963.550.000
Số tiền vay phát sinh	12.236.450.000
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	<u>(5.450.000.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>34.750.000.000</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	2.197.213.689	3.214.844.410	-	(1.896.500.000)	3.515.558.099
Quỹ phúc lợi	1.643.650.670	1.377.790.461	7.960.000	(1.416.350.600)	1.613.050.531
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	<u>(390.071.576)</u>	<u>1.148.158.718</u>	-	<u>(1.159.664.054)</u>	<u>(401.576.912)</u>
Cộng	<u>3.450.792.783</u>	<u>5.740.793.589</u>	<u>7.960.000</u>	<u>(4.472.514.654)</u>	<u>4.727.031.718</u>

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên	16.544.000.000	16.544.000.000
Các cổ đông khác	<u>63.456.000.000</u>	<u>63.456.000.000</u>
Cộng	<u>80.000.000.000</u>	<u>80.000.000.000</u>

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(264)	(264)
- Cổ phiếu phổ thông	(264)	(264)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.736	7.999.736
- Cổ phiếu phổ thông	7.999.736	7.999.736
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.646.400.112	1.453.276.776
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	743.449.773	525.154.638
Giảm do chia lợi nhuận	(653.845.215)	(547.901.242)
Số cuối kỳ	<u>1.736.004.670</u>	<u>1.430.530.172</u>

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 1.288,18 USD (số đầu năm là 1.663,93 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	426.686.684.754	310.891.770.672
Doanh thu bán thành phẩm	158.506.347.628	86.086.428.358
Doanh thu kinh doanh bất động sản	8.429.827.232	3.851.160.635
Cộng	<u>593.622.859.614</u>	<u>400.829.359.665</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Chiết khấu thương mại	250.158.450	2.946.750
Hàng bán bị trả lại	220.764.929	1.212.032.022
Giảm giá hàng bán		10.468.445
Cộng	<u>470.923.379</u>	<u>1.223.735.657</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	397.598.365.573	285.136.221.508
Giá vốn của thành phẩm đã bán	152.314.682.610	80.371.172.665
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	2.717.566.194	1.073.288.164
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(530.178.376)	-
Cộng	<u>552.100.436.001</u>	<u>366.580.682.337</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	20.369.426	98.894.592
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.257.320	13.167.667
Thu từ hoạt động góp vốn	573.750.000	2.227.615.517
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.996.896	168.736.670
Lãi chậm thanh toán	-	56.504.865
Cộng	<u>622.373.642</u>	<u>2.564.919.311</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5. Chi phí tài chính**

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Chi phí lãi vay	10.347.617.937	8.697.768.743
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.227.326	9.162.312
Cộng	<u>10.368.845.263</u>	<u>8.706.931.055</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Chi phí cho nhân viên	1.442.832.900	1.219.036.300
Chi phí vật liệu, bao bì	186.161.302	217.273.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	473.404.084	405.650.648
Chi phí điện	755.055.627	618.025.646
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	2.063.703.323	2.112.933.669
Chi phí thuê kho, bảo trì, DV ngân hàng	721.857.499	822.761.703
Chi phí khác	889.349.380	1.188.979.479
Cộng	<u>6.532.364.115</u>	<u>6.584.660.778</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí chợ nhân viên	5.771.530.352	4.624.234.734
Chi phí vật liệu quản lý	120.289.839	131.404.586
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.453.656	615.528.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.258.761	184.177.000
Các chi phí khác	544.434.535	540.434.019
Cộng	<u>6.708.967.143</u>	<u>6.095.778.388</u>

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Quý 3/2015</u>	<u>Quý 3/2014</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.868.148.990	10.981.700.712
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(2.080.222.349)	(1.647.255.107)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	11.787.926.641	9.334.445.605
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	7.999.736	7.999.736
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.474</u>	<u>1.167</u>

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng qui định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.373 VND xuống còn 1.167 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Quý 3/2015	Quý 3/2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.969.479.141	79.097.765.722
Chi phí nhân công	7.214.363.252	5.843.271.034
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.098.779.609	1.661.202.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.337.529.820	5.931.777.739
Chi phí khác	2.644.578.792	1.624.585.502
Cộng	168.264.730.614	94.158.602.487

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	32.409.113.090	32.753.339.344
Trên 1 năm đến 5 năm	108.372.716.364	113.484.630.044
Trên 5 năm	259.519.090.909	265.880.353.909
Cộng	400.300.920.363	412.118.323.297

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng) của Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Quý 3/2015	Quý 3/2014
Tiền lương, thưởng	1.385.000.000	874.750.000
Phụ cấp	95.326.800	145.231.600
Cộng	1.480.326.800	1.019.981.600

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên	Cổ đông nắm giữ 20,68% vốn điều lệ và có đại diện là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty
Công ty cổ phần Khải Huy Quân	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.10, Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch với Tổng Công ty thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	-	-
Mua dịch vụ	-	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.4b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Thương mại, dịch vụ: mua bán sắt thép, dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh bất động sản: cho thuê văn phòng, mặt bằng.

3b. Thông tin về khu vực địa lý


Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Giải trình sự chênh lệch Kết quả kinh doanh của Quý 3 năm 2015 so với Quý 3 năm 2014 như sau:

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý 03 năm 2015 đạt 593,151 tỷ đồng, tăng 37,64% so với Quý 3 năm 2014. Chủ yếu là do doanh thu bán thành phẩm tăng 84,12% và doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng tăng 118,89%.

+ Lợi nhuận trước thuế Quý 3 năm 2015 đạt 18,12 tỷ đồng tăng 27,51% so với Quý 3 năm 2014, do sự gia tăng của doanh thu bán thành phẩm đã làm cho lợi nhuận trước thuế của ngành hàng này tăng 54,8% và việc đưa mặt bằng 277B CMT8 vào khai thác cũng góp phần làm tăng lợi nhuận 54,9% so với cùng kỳ năm trước.


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015


Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.483.300)	71.968.566.660	53.069.988.730	260.222.185.727
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	28.495.701.883	28.495.701.883
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	3.449.342.869	(8.623.357.174)	(5.174.014.305)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	(7.999.748.998)	(7.999.748.998)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong kỳ trước	-	-	(338.000)	-	(249.510.000)	(249.848.000)
Số dư cuối kỳ trước	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.821.300)	75.417.909.529	64.693.074.440	275.294.276.306
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.821.300)	75.766.626.977	65.897.778.196	276.847.697.510
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	39.229.693.895	39.229.693.895
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	3.827.195.726	(10.248.044.264)	(6.420.848.538)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(7.999.736.000)	(7.999.736.000)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong kỳ này	-	-	-	-	(299.978.000)	(299.978.000)
Số dư cuối kỳ này	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.821.300)	79.593.822.703	86.579.713.827	301.356.828.867

Đơn vị tính: VND



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 03 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	584.722.109.003	8.429.827.232	-	593.151.936.235
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	584.722.109.003	8.429.827.232		593.151.936.235
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	22.536.499.917	5.273.669.059	-	27.810.168.976
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				27.810.168.976
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				622.373.642
Doanh thu hoạt động tài chính				(10.368.845.263)
Chi phí tài chính				418.310.791
Thu nhập khác				(361.285.294)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.000.018.701)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(63.462.933)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				14.057.241.218
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				
	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	632.087.061	1.517.959.700		2.150.046.761
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(530.178.376)			(530.178.376)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
 Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 03 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	395.621.372.465	3.984.251.543	-	399.605.624.008
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	395.621.372.465	3.984.251.543	-	399.605.624.008
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.593.040.443	1.751.462.062	-	20.344.502.505
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				20.344.502.505
Doanh thu hoạt động tài chính				2.564.919.311
Chi phí tài chính				(8.706.931.055)
Thu nhập khác				9.794.046
Chi phí khác				(762.946)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.128.432.533)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				5.557.460
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				11.088.646.788
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	105.000.000	35.262.978.901	-	35.367.978.901
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.006.577.000	695.715.387	-	1.702.292.387
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
 Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 03 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND			
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	711.355.123.317	135.065.418.463	-	846.420.541.780
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				193.199.548.917
Tổng tài sản				1.039.620.090.697
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	627.644.844.724	99.915.711.026	-	727.560.555.750
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				8.966.701.410
Tổng nợ phải trả				736.527.257.160
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	762.431.504.729	139.722.048.964	-	902.153.553.693
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				177.852.649.452
Tổng tài sản				1.080.006.203.145
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	672.510.732.301	122.205.259.958	-	794.715.992.259
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				6.796.113.264
Tổng nợ phải trả				801.512.105.523

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2015



(Handwritten signature)

Hà Hạnh Hoa
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hiền
 Người lập biểu